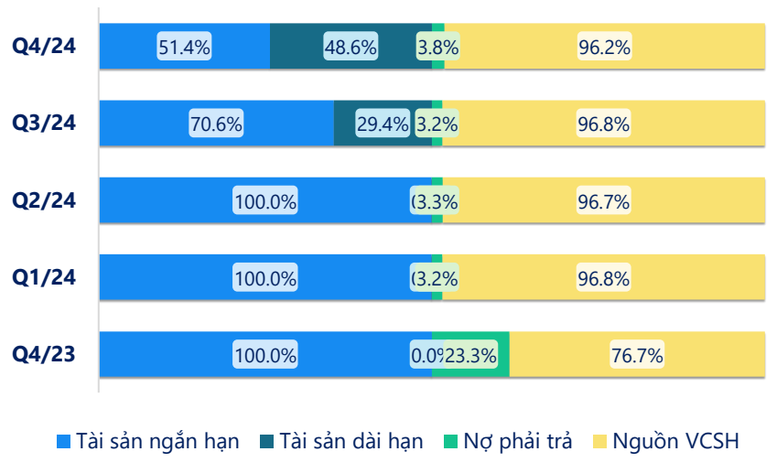
FireAnt

# CTCP Hòa Bình Takara (HNX: CTP)

| Thông tin giao dịch | 31/12/2024 |
|---|---|
| Giá hiện tại (VNĐ) | 29,000 |
| Cao nhất 52 tuần (VNĐ) | 42,700 |
| Thấp nhất 52 tuần (VNĐ) | 3,300 |
| SL cổ phiếu LH | 12,099,992 |
| KLGD BQ 20 phiên (CP) | 172,875 |
| % sở hữu nước ngoài | 0.2% |
| Vốn điều lệ (tỷ VNĐ) | |
| Vốn hóa (tỷ VNĐ) | 351 |
| P/E | 1111.0 |
| EPS | 26 |

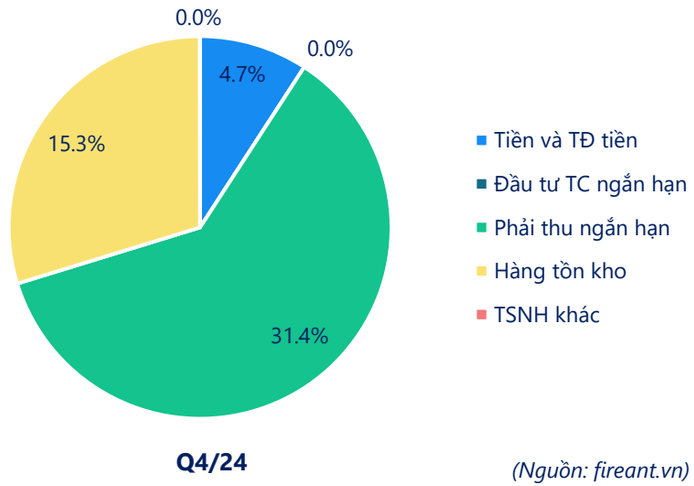
| | YTD | 1T | 3T | 6T |
|---|---|---|---|---|
| CTP | -11.9% | -12.1% | 308.5% | |
| VNINDEX | 2.1% | -0.2% | -1.3% | |

## Cơ cấu Tổng tài sản



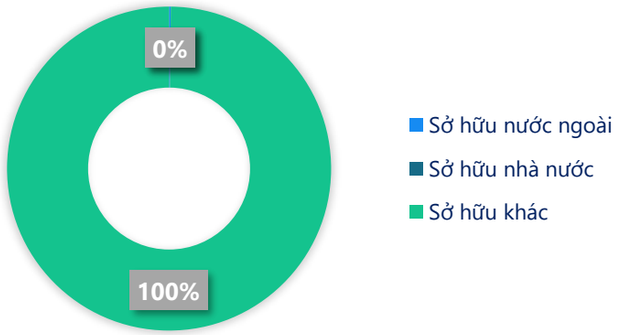

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



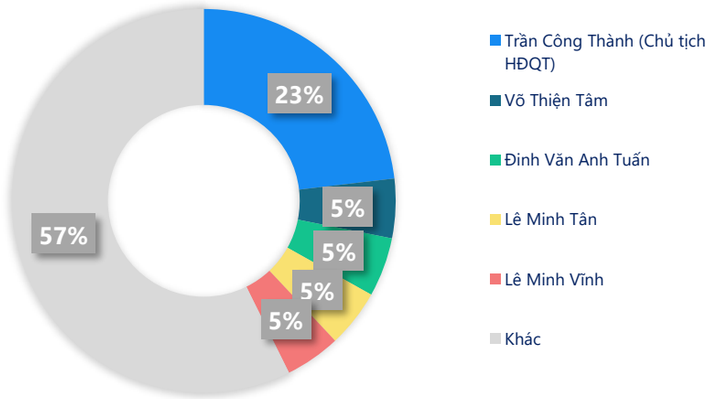

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Cơ cấu sở hữu



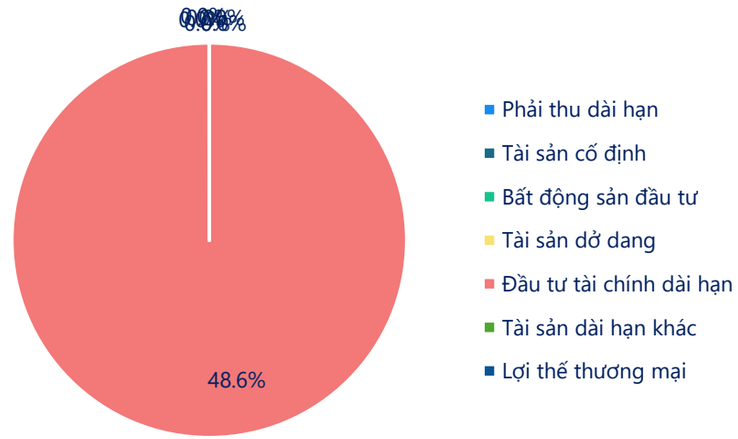

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Cơ cấu cổ đông




*(Nguồn: fireant.vn)*

## Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

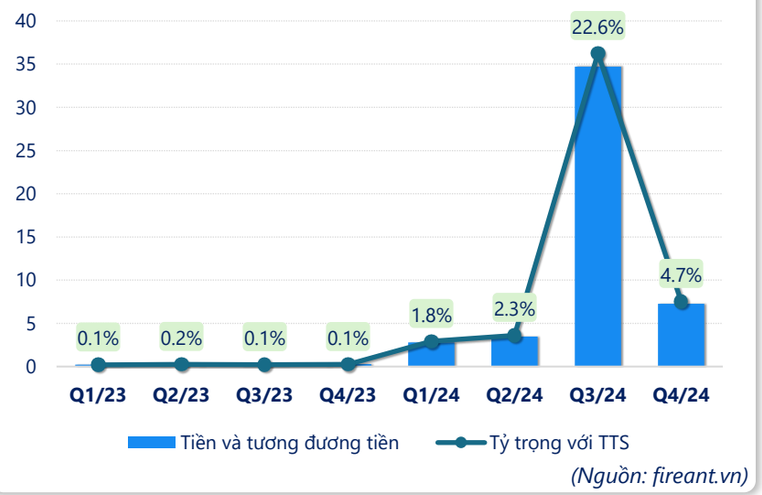



*(Nguồn: fireant.vn)*

Powered by Infographic

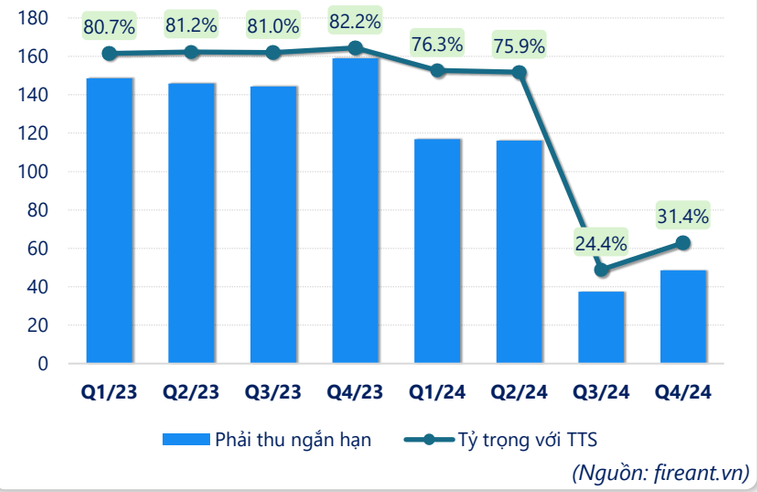
# CTCP Hòa Bình Takara (HNX: CTP)

## Tiền và tương đương tiền



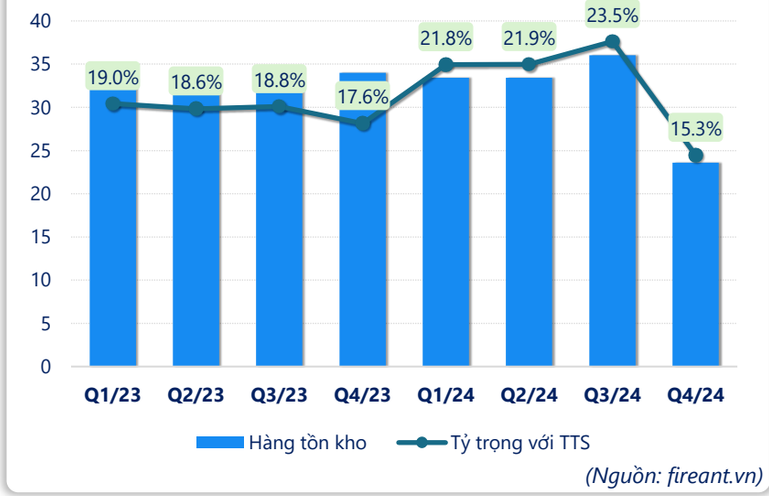

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Phải thu ngắn hạn



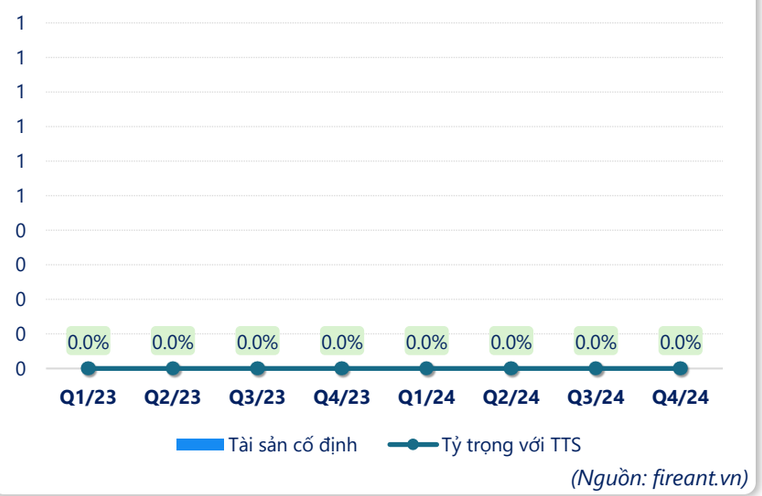

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Hàng tồn kho



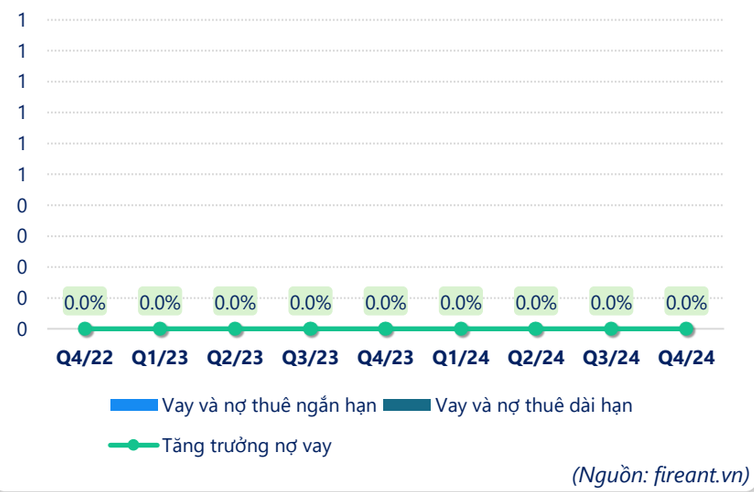

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Tài sản cố định



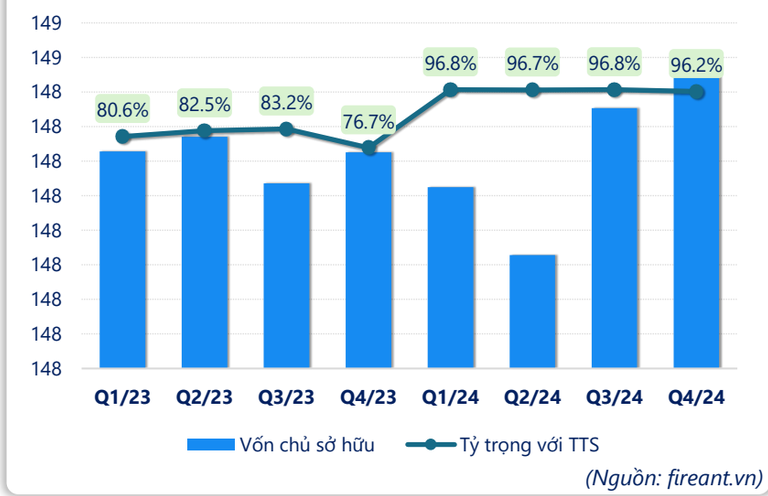

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Nợ vay




*(Nguồn: fireant.vn)*

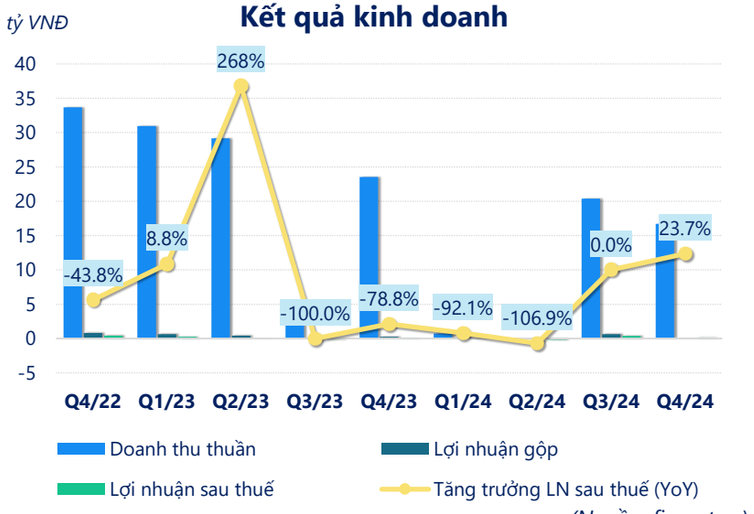
## Vốn chủ sở hữu




*(Nguồn: fireant.vn)*

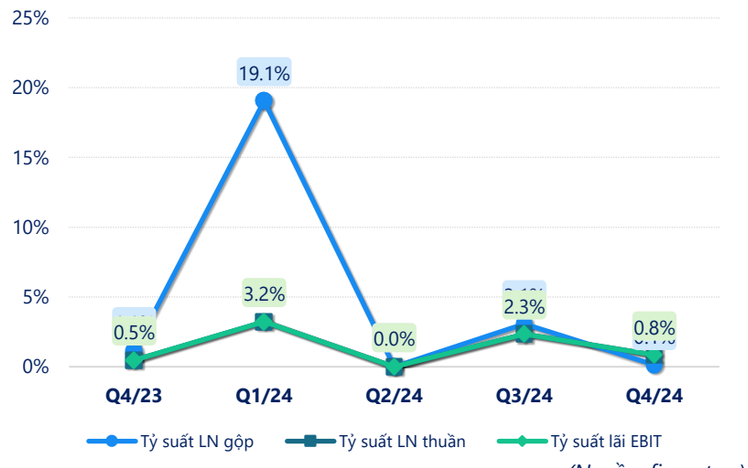
# CTCP Hòa Bình Takara (HNX: CTP)

## Kết quả kinh doanh



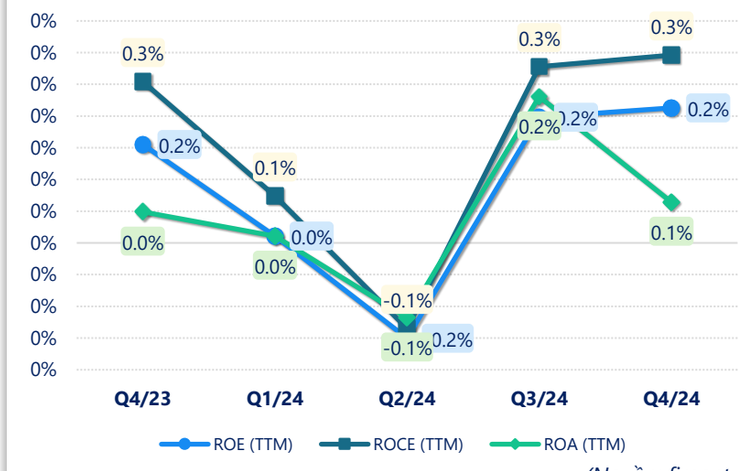

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Tỷ suất lợi nhuận



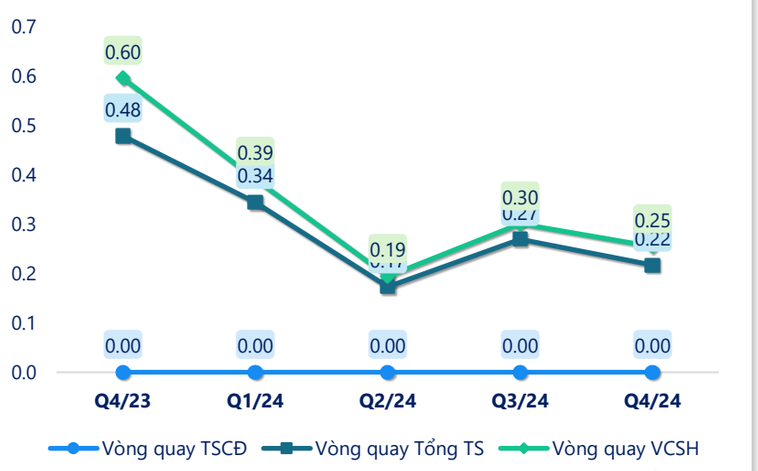

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Tỷ suất sinh lợi



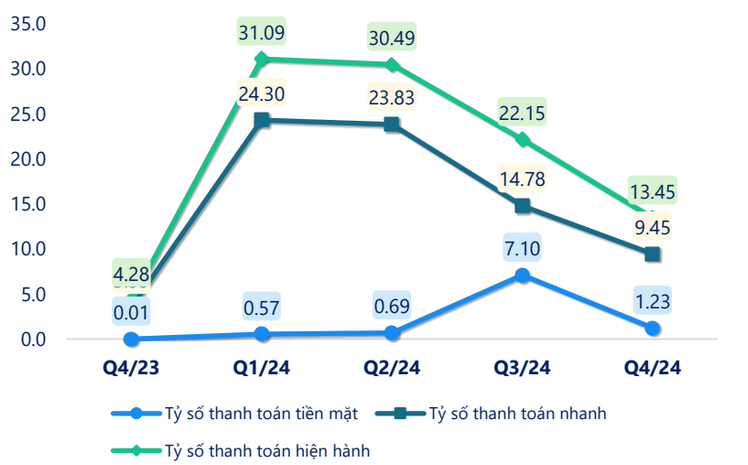

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Vòng quay tài sản



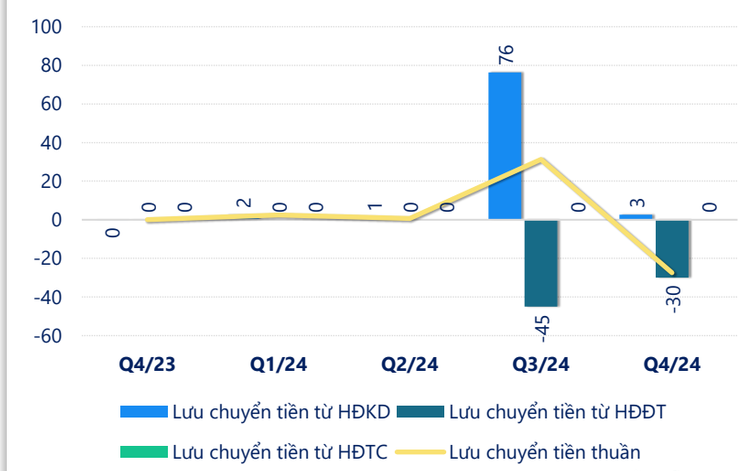

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Chỉ số thanh khoản




*(Nguồn: fireant.vn)*

## Lưu chuyển tiền




*(Nguồn: fireant.vn)*

# CTCP Hòa Bình Takara (HNX: CTP)

| CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)* | Tại ngày 31/12/2024 | Tại ngày 31/12/2023 | Thay đổi |
|---|---|---|---|
| **Tổng tài sản** | **154** | **193** | **-20.1%** |
| **Tài sản ngắn hạn** | 79.4 | 193 | -58.9% |
| Tiền và tương đương tiền | 7.28 | 0.29 | 2413% |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn | 0 | 0 | |
| Phải thu ngắn hạn | 48.5 | 159 | -69.5% |
| Hàng tồn kho | 23.6 | 34.0 | -30.6% |
| Tài sản ngắn hạn khác | 0.01 | 0.09 | -83.8% |
| **Tài sản dài hạn** | **75.0** | **0.01** | **817922%** |
| Phải thu dài hạn | 0 | 0 | |
| Tài sản cố định | 0 | 0 | |
| Bất động sản đầu tư | 0 | 0 | |
| Tài sản dở dang | 0 | 0 | |
| Đầu tư tài chính dài hạn | 75.0 | 0 | |
| Tài sản dài hạn khác | **0.00** | **0.01** | **-57.1%** |
| Lợi thế thương mại | 0 | 0 | |
| **Nợ phải trả** | 5.90 | 45.2 | -86.9% |
| **Nợ ngắn hạn** | **5.90** | **45.2** | **-86.9%** |
| Vay và nợ thuê ngắn hạn | 0 | 0 | |
| Phải trả người bán ngắn hạn | 0.09 | 40.5 | -99.8% |
| **Nợ dài hạn** | 0 | 0 | |
| Vay và nợ thuê dài hạn | 0 | 0 | |
| **Nguồn vốn chủ sở hữu** | **148** | **148** | **0.3%** |
| **Vốn chủ sở hữu** | **148** | **148** | **0.3%** |
| Vốn điều lệ | 121 | 121 | 0.0% |
| **Kinh phí và quỹ khác** | **0** | **0** | |

*(Nguồn: fireant.vn)*

| KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)* | Q4/23 | Q1/24 | Q2/24 | Q3/24 | Q4/24 |
|---|---|---|---|---|---|
| **Doanh thu thuần** | 23.5 | 0.71 | 0 | 20.4 | 16.7 |
| Giá vốn hàng bán | 23.3 | 0.57 | 0 | 19.7 | 16.7 |
| **Lợi nhuận gộp** | 0.27 | 0.14 | 0 | 0.63 | 0.02 |
| Doanh thu HĐTC | 0.07 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.17 |
| Chi phí TC | 0.00 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| **Chi phí lãi vay** | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| LN trong công ty LKLD | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Chi phí bán hàng | 0.04 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Chi phí QLDN | 0.19 | 0.11 | 0.20 | 0.15 | 0.05 |
| **LN thuần từ HĐKD** | 0.11 | 0.02 | -0.20 | 0.48 | 0.14 |
| Lợi nhuận khác | 0.00 | 0 | 0.00 | 0 | 0 |
| **LN trước thuế** | 0.11 | 0.02 | -0.20 | 0.48 | 0.14 |
| **Lợi nhuận sau thuế** | 0.09 | 0.02 | -0.20 | 0.38 | 0.11 |
| **LNST của CĐ cty mẹ** | 0.09 | 0.02 | -0.20 | 0.38 | 0.11 |

*(Nguồn: fireant.vn)*

| LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)* | Q4/23 | Q1/24 | Q2/24 | Q3/24 | Q4/24 |
|---|---|---|---|---|---|
| Lưu chuyển tiền từ HĐKD | -0.04 | 2.50 | 0.67 | 76.2 | 2.57 |
| Lưu chuyển tiền từ HĐĐT | 0.07 | 0.00 | 0.00 | -45.0 | -30.0 |
| Lưu chuyển tiền từ HĐTC | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Tiền đầu kỳ | 0.25 | 0.29 | 2.79 | 3.46 | 34.7 |
| **Lưu chuyển tiền thuần** | **0.04** | **2.50** | **0.67** | **31.2** | **-27.4** |
| Ảnh hưởng tỷ giá | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Tiền cuối kỳ | 0.29 | 2.79 | 3.46 | 34.7 | 7.28 |

*(Nguồn: fireant.vn)*



Powered by Infographic